

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 250/2024/DS-PT

Ngày: 28-5-2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản,
đòi tài sản là giấy chứng nhận quyền sử
dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phan Ngọc Hoàng Đình Thục

Các Thẩm phán: bà Huỳnh Thị Hồng Vân

bà Trịnh Thị Phúc

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Mỹ Linh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Kim Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 174/2024/TLPT-DS ngày 15 tháng 4 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2023/DS-ST ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 192/2024/QĐ-PT ngày 06 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Lâm Văn T, sinh năm: 1959; địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lâm Văn T: ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1959; địa chỉ: ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An (văn bản ủy quyền ngày 20/6/2023).

- Bị đơn có yêu cầu phản tố: bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1979; địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị L1: ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1959; địa chỉ: số A khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An (văn bản ủy quyền ngày 23/8/2023).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1961; địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* bị đơn, bà Nguyễn Thị L1.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 16/6/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn, ông Lâm Văn T do ông Nguyễn Văn L là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 12/10/2022, bà Nguyễn Thị L1 có vay của ông Lâm Văn T số tiền 1.050.000.000 đồng (một tỷ không trăm năm mươi triệu đồng), có ghi giấy mượn tiền, hai bên có thỏa bằng lời nói về mức lãi suất là 3%/tháng. Để làm tin, bà L1 thế chấp cho ông T bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 633141, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 07006 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 02/02/2017 đối với thửa đất số 2305, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại Ấp B, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An. Bà L1 đã nhận đủ số tiền 1.050.000.000 đồng và hẹn đến Tết âm lịch năm 2023 sẽ trả lại tiền.

Từ ngày 12/10/2022, bà L1 không đóng bất kỳ khoản tiền nào cho ông T nên đến ngày 12/6/2023, bà L1 tự viết tay vào trong sổ nợ với nội dung còn nợ ông T số tiền gốc 1.050.000.000 đồng và 8 tháng chưa đóng lãi.

Nay ông T yêu cầu bà L1 phải trả số tiền gốc 1.050.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 12/10/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 18/12/2023) tính tròn là 14 tháng, lãi suất 20%/năm (tương đương 1,67%/tháng), số tiền lãi là 245.000.000 đồng, tổng số tiền mà bà L1 phải trả là 1.295.000.000 đồng. Ông T đề nghị thanh toán một lần ngay sau khi có Bản án hoặc Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Để đảm bảo khoản vay, ông T giữ lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà L1 đã thế chấp cho đến khi nào bà L1 thanh toán xong hết các khoản nợ.

Bị đơn, bà Nguyễn Thị L1 do ông Nguyễn Văn T1 đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà L1 không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Văn T vì chứng cứ do ông T cung cấp chỉ là trang giấy nháp đã bị gạch xóa, sửa chữa, thêm bớt; các nhân chứng là vợ và em ruột của ông T nên trình bày không đúng sự thật, không khách quan.

Bà L1 yêu cầu ông T trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 633141, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 07006 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 02/02/2017 cho bà Nguyễn Thị L1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị T2 trình bày tại bản tự khai ngày 06/10/2023 như sau:

Bà thống nhất với lời trình bày của ông Lâm Văn T về việc cho bà L1 vay tiền. Đến cận Tết, bà có gọi và nhắn tin qua Z yêu cầu bà L1 trả tiền thì bà L1 trả lời đang

gom tiền, sau đó né tránh không gặp mặt vợ chồng bà. Ngày 12/6/2023, bà L1 đến nhà mượn sổ nợ để tính toán tiền rồi tự ý gạch sổ nợ và ghi sai nhiều chỗ, ông T yêu cầu bà L1 ghi lại thì bà L1 nói do không có mắt kính nên không thấy, để bà L1 về nhà lấy mắt kính rồi viết lại, sau đó không quay lại.

Do ông T là người trực tiếp cho bà L1 vay tiền nên bà để ông T làm đơn khởi kiện, bà thống nhất với tất cả các quyết định của ông T và cam kết sẽ không có ý kiến hay khiếu nại gì trong vụ tranh chấp này, bà xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân các cấp.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2023/DS-ST ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An đã xử (tóm tắt):

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Văn T đối với bà Nguyễn Thị L1 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

- Buộc bà Nguyễn Thị L1 có nghĩa vụ trả cho ông Lâm Văn T số tiền là 1.295.000.000 đồng (một tỷ hai trăm chín mươi lăm triệu đồng); trong đó tiền nợ gốc là 1.050.000.000 đồng (một tỷ không trăm năm mươi triệu đồng), tiền lãi là 245.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi lăm triệu đồng).

...

Buộc ông Lâm Văn T nộp trả lại cho bà Nguyễn Thị L1 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 633141, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 07006 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 02/02/2017 đối với thửa đất số 2305, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại Ấp B, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An do bà Nguyễn Thị L1 đứng tên khi bản án có hiệu lực pháp luật tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu lãi nếu chậm thi hành án, án phí, quyền, thời hạn kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 02/01/2024, bà Nguyễn Thị L1 kháng cáo không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Văn T.

Ngày 18/01/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An kháng nghị một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu xem xét về việc tính lãi suất và án phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Ông Nguyễn Văn T1 trình bày: ông T không chứng minh được có hợp đồng vay, không có thỏa thuận lãi và thời hạn vay. Ông T dựa vào việc đang giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà L1 và cuốn sổ nợ là trang giấy tập có xóa, sửa chữa, thêm nội dung để khởi kiện, trong khi ông L đại diện cho ông T thừa nhận 13 dòng chữ trong sổ nợ làm chứng cứ thì dòng thứ 11-13 ông T tự xóa, sửa chữa, ghi thêm nội dung nên bà L1 chỉ đồng ý trả cho ông T số tiền bà L1 đã ghi là 105.000.000 (một trăm lẻ năm triệu) đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày 12/02/2023.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Nguyễn Văn L trình bày: vì là mối quan hệ họ hàng, nên ông T đã cho bà L1 vay tiền nhiều lần, bà L1 chỉ trả được lãi 33.000.000 đồng mà không trả được nợ gốc. Do khi bà L1 ghi vào sổ chỉ

còn nợ 105.000.000 (một trăm lẻ năm triệu) đồng là không đúng sự thật, nên ông T mới xóa, sửa chữa và ghi lại số tiền nợ gốc là 1.050.000.000 (một tỷ không trăm năm mươi triệu) đồng và nợ lãi 8 tháng, bởi vì nếu bà L1 có trả được nợ gốc 900.000.000 đồng thì bà phải ghi rõ số tiền đã trả vào sổ. Việc vay nợ có tính lãi, nên kháng nghị của Viện kiểm sát về mức lãi suất là không phù hợp với thỏa thuận của ông T và bà L1. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị L1 và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo, kháng nghị: tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện nguyên đơn thừa nhận nội dung gốc ban đầu do bị đơn ghi trên sổ nợ thì số tiền nợ chỉ có 105.000.000 (một trăm lẻ năm triệu) đồng tính đến ngày 12/02/2023, việc xóa, sửa chữa, ghi thêm nội dung trên sổ nợ do nguyên đơn thực hiện và không chứng minh được có sự đồng ý của bị đơn. Các bên đương sự cũng không thống nhất về mức lãi suất. Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã tính sai số tiền án phí bị đơn phải chịu. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn và toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An, sửa một phần bản án sơ thẩm, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ 105.000.000 đồng và phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 kể từ ngày 12/02/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm, đồng thời tính lại án phí sơ thẩm mà các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị L1 và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273, 276, 278, 279 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố và yêu cầu kháng cáo, Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung kháng nghị. Các đương sự không tự thỏa thuận được về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Việc xét xử vắng mặt các đương sự: bà Nguyễn Thị T2 vắng mặt và có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt, thuộc trường hợp quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Tòa án vẫn xét xử phúc thẩm vụ án.

[3] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: theo đơn khởi kiện, đơn yêu cầu phản tố và quá trình giải quyết vụ án, ông Lâm Văn T yêu cầu bà Nguyễn Thị L1 trả số tiền vay và lãi vay; bà L1 có yêu cầu phản tố yêu cầu ông Lâm Văn T trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là hợp đồng vay tài sản là thiếu sót đối với yêu cầu phản tố của bà L1 đòi ông T trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, cần xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, đòi tài sản là giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất” theo khoản 2, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: ông Nguyễn Văn T1 là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn kháng cáo về số tiền gốc vay và lãi vay; Quyết định kháng nghị số 07/QĐ-VKS-DS ngày 18/01/2024 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An yêu cầu xem xét lại lãi vay và án phí. Căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại các nội dung này của bản án sơ thẩm.

[5] Về việc áp dụng pháp luật về nội dung: giao dịch vay tiền đang có tranh chấp được xác lập năm 2022-2023. Do đó, áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành luật có liên quan để giải quyết vụ án.

[6] Về nội dung kháng cáo, kháng nghị: nguyên đơn căn cứ vào tài liệu, chứng cứ, gồm: sổ nợ (là một cuốn tập học sinh hiệu Vibook), tin nhắn trao đổi qua zalo giữa bà Nguyễn Thị T2 với bà Nguyễn Thị L1, việc nguyên đơn đang giữ bản chính của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 633141, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 07006 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 02/02/2017 cho bà Nguyễn Thị L1 đối với thửa đất số 2305, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp B, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An và lời làm chứng của ông Lâm Văn T3, để khởi kiện yêu cầu bà L1 trả số tiền gốc vay là 1.050.000.000 (một tỷ không trăm năm mươi triệu) đồng và tiền lãi tính từ ngày 12/10/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, là chưa đánh giá toàn diện tính khách quan của các tình tiết, tài liệu này. Bởi lẽ:

[6.1] Hồ sơ vụ án thể hiện, tại dòng chữ thứ 11 đến 13 trên “sổ nợ” là trang tập học sinh hiệu Vibook (mặt sau của bút lục số 59) có một số nội dung đã bị sửa, xóa, ghi chèn thêm, cụ thể: tại dòng chữ thứ 11 ghi “Ngày 12/6/2023 còn nợ lại tiền” thì tháng đã bị sửa chữa từ số “2” thành số “6”; tại dòng chữ thứ 12: ghi “1.050.000.000đ (Một **tỷ** **trăm** **lẻ** năm ^{chục} triệu)” thì dãy số phía sau 105 000 000 đã bị sửa và ghi thêm số “0”; trong khi số tiền ghi bằng chữ lại bị xóa bỏ chữ “trăm”, thêm chữ “tỷ” và chữ “chục”.

[6.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông L – đại diện của nguyên đơn xác định, nội dung gốc ban đầu của dòng chữ thứ 11 đến 13 nêu trên do bà L1 tự ghi như sau: “Ngày 12/2/2023 còn nợ lại tiền: 105.000.000đ (một trăm lẻ năm triệu)”; do bà L1 ghi sai số tiền nợ, ông T có yêu cầu bà L1 sửa chữa nhưng bà L1 lấy lý do không có mắt kính, nên ngay lúc đó ông T đã tự xóa và sửa chữa, ghi thêm nội dung thành: “Ngày 12/6/2023 còn nợ lại tiền: 1.050.000.000đ (một tỷ lẻ năm **chục** triệu) chưa trả lãi 8 tháng”. Ông L cho rằng, việc ông T sửa chữa có sự chứng kiến của bà L1 và ông Lâm Văn T3. Trình bày của ông L không được ông T1 đại diện cho bà L1 thừa nhận. Hồ sơ vụ án thể hiện, lời khai của người làm chứng là ông Lâm Văn T3 có nội dung “...Tôi thấy bà L1 có ghi nội dung gì đó nhưng không đúng nên ông T yêu cầu ghi lại cho đúng thì bà L1 nói “Để con về lấy kính rồi viết lại” rồi bà L1 về và không quay trở lại”(bút lục số 47), từ đó cho thấy bà L1 không thể chứng kiến và đồng ý việc ông T tự sửa chữa nội dung như ông L đã trình bày.

[6.3] Nội dung tin nhắn qua zalo giữa bà T2 với bà L1 (bút lục số 48), cũng như việc ông T giữ bản chính của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 633141 của bà L1 không thể hiện mối liên quan đến số tiền vay 1.050.000.000 đồng.

[7] Từ sự thừa nhận của hai bên đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, chỉ có căn cứ xác định bà L1 còn nợ ông T số tiền 105.000.000 đồng. Do đó, chấp nhận một phần kháng cáo của bà L1, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông T, buộc bà L1 phải trả cho ông T số tiền vay gốc là 105.000.000 đồng và tiền lãi tính theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 là 10%/năm tính từ ngày 12/02/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 20/12/2023 (=308 ngày), tiền lãi là 8.860.273 đồng (= 105.000.000đ x 10%/năm x 308 ngày), quy tròn là 8.860.000 đồng. Bác yêu cầu của ông T đòi bà L1 phải trả tiền gốc vay là 945.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 20%/năm tính từ ngày 12/10/2022 đến ngày 18/12/2023.

[8] Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, được chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: lẽ ra ông T phải chịu án phí tương ứng với số tiền yêu cầu bị bác, nhưng do ông là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 04/6/2018 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bà L1 phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho ông T.

[10] Về án phí dân sự phúc thẩm: do kháng cáo được chấp nhận, nên bà L1 không phải chịu án phí phúc thẩm và được hoàn trả tạm ứng.

[11] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309, Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 12, Điều 27 và Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, bà Nguyễn Thị L1.

3. Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An.

4. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2023/DS-ST ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An:

4.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Văn T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bà Nguyễn Thị L1. Buộc bà Nguyễn Thị L1 phải

trả cho ông Lâm Văn T số tiền nợ gốc vay là 105.000.000 đồng (một trăm lẻ năm triệu đồng) và nợ lãi vay tính từ ngày 12/02/2023 đến ngày 20/12/2023 là 8.860.000 đồng (tám triệu tám trăm sáu mươi ngàn đồng).

4.2. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Văn T về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị L1 trả tiền nợ gốc vay là 945.000.000 đồng và nợ lãi vay tính từ ngày 12/10/2022 đến ngày 18/12/2023 theo mức lãi suất 20%/năm.

5. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: miễn toàn bộ án phí cho ông Lâm Văn T. Buộc bà Nguyễn Thị L1 phải chịu 5.693.000 đồng (năm triệu sáu trăm chín mươi ba nghìn đồng) được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002291 ngày 18/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ, nên bà L1 còn phải nộp tiếp 5.393.000 đồng (năm triệu ba trăm chín mươi ba nghìn đồng).

7. Về án phí dân sự phúc thẩm: bà Nguyễn Thị L1 không phải chịu và được hoàn trả số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0004254 ngày 02/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

8. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

9. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

10. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Đức Huệ
- Chi cục THADS huyện Đức Huệ;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Ngọc Hoàng Đình Thục